

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1691/QĐ-ĐHTM-HĐTS

Hà Nội, ngày 04 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

*V/v Công nhận thí sinh trúng tuyển đại học đào tạo từ xa
đợt 5 năm 2025 khu vực miền Bắc*

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc ban hành Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 138/NQ-HĐT ngày 22/4/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thương mại về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thương mại;

Căn cứ Quyết định số 55/QĐ-ĐHTM ngày 12/01/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại ban hành Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Thương mại;

Căn cứ Quyết định số 2136/QĐ-ĐHTM ngày 15/11/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại ban hành Đề án tuyển sinh đại học đào tạo từ xa năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1690/QĐ-ĐHTM-HĐTS ngày 04/9/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại về việc Phê duyệt điểm chuẩn trúng tuyển đại học đào tạo từ xa đợt 5 năm 2025 khu vực miền Bắc;

Xét đề nghị của Hội đồng tuyển sinh đại học đào tạo từ xa năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 546 thí sinh trúng tuyển đại học đào tạo từ xa đợt 5 năm 2025 khu vực miền Bắc, trong đó:

- Ngành Quản trị kinh doanh (chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh): 135 thí sinh;
- Ngành Marketing (chương trình đào tạo Marketing thương mại): 121 thí sinh;
- Ngành Thương mại điện tử (chương trình đào tạo Quản trị Thương mại điện tử): 120 thí sinh
- Ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (chương trình đào tạo Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng): 111 thí sinh;

- Ngành Luật kinh tế (chương trình đào tạo Luật kinh tế): **59** thí sinh.

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Thí sinh có tên tại Điều 1 thực hiện nhập học theo đúng quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký tuyển sinh đại học đào tạo từ xa năm 2025; Trưởng các đơn vị trực thuộc Trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (để b/cáo);
- Như Điều 3 (để t/hiện);
- Lưu: VT, QLĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG – CHỦ TỊCH HĐQT ^{thx}
PHÓ HIỆU TRƯỞNG – PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT



GS, TS Nguyễn Hoàng Việt

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN THEO PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN THĂNG

Đối với thí sinh thuộc đối tượng xét tuyển có bằng tốt nghiệp Đại học

(Kèm theo Quyết định số 1691/QĐ-ĐHTM-HĐTS ngày 04/9/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Ghi chú
1	A080	Nguyễn Đức Anh	06/09/2002	Nam	Đại học	Trường Đại học Thương mại	Quản trị kinh doanh	
2	A011	Mai Đức Bình	23/08/1986	Nam	Đại học	Trường Đại học Khoa học	Quản trị kinh doanh	
3	A101	Nguyễn Quỳnh Chi	24/01/2000	Nữ	Đại học	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội	Quản trị kinh doanh	
4	A120	Bùi Hải Dương	19/11/1995	Nam	Đại học	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	Quản trị kinh doanh	
5	A111	Hoàng Thanh Hằng	17/11/1995	Nữ	Đại học	Trường Đại học Văn hóa Hà Nội	Quản trị kinh doanh	
6	A053	Nguyễn Đức Hiệp	10/01/2002	Nam	Đại học	Trường Đại học Đại Nam	Quản trị kinh doanh	
7	A038	Nguyễn Đình Kiên	26/12/2002	Nam	Đại học	Học viện Ngân hàng	Quản trị kinh doanh	
8	A010	Nguyễn Diệu Linh	23/05/1997	Nữ	Đại học	Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam	Quản trị kinh doanh	
9	A066	Đỗ Thị Quyên	28/10/1995	Nữ	Đại học	Học Viện Nông nghiệp Việt Nam	Quản trị kinh doanh	
10	A039	Bùi Đức Thịnh	22/09/1990	Nam	Đại học	Trường Đại học Giao thông Vận tải	Quản trị kinh doanh	
11	A065	Lê Hoàng Tuấn	24/04/2001	Nam	Đại học	Trường Đại học Thủy lợi	Quản trị kinh doanh	
12	C039	Lương Ngọc Biền	15/11/2003	Nam	Đại học	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Marketing	
13	C061	Phạm Thị Thu Hằng	14/08/2001	Nữ	Đại học	Trường Đại học Hà Nội	Marketing	
14	C077	Lê Văn Kiên	23/06/1986	Nam	Đại học	Trường Đại học Mở Hà Nội	Marketing	
15	C088	Đặng Văn Phúc	12/02/2003	Nam	Đại học	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên	Marketing	
16	C008	Trần Thị Thu Phương	07/06/1999	Nữ	Đại học	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc Gia Hà Nội	Marketing	
17	C099	Nguyễn Thị Minh Thảo	26/05/2002	Nữ	Đại học	Trường Đại học Dược Hà Nội	Marketing	
18	C092	Trần Thị Thu Trang	24/06/2002	Nữ	Đại học	Trường Đại học Hà Nội	Marketing	
19	I073	Tạ Quang Huy	30/09/2003	Nam	Đại học	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Thương mại điện tử	
20	I121	Hoàng Phú Long	09/05/2003	Nam	Đại học	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Thương mại điện tử	
21	I058	Nguyễn Tuệ Minh	18/12/2002	Nữ	Đại học	Trường Đại học Hà Nội	Thương mại điện tử	
22	I045	Nguyễn Đức Thắng	19/04/2003	Nam	Đại học	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Thương mại điện tử	
23	LQ059	Phạm Thị Hoàng Ân	01/08/1998	Nữ	Đại học	Trường Đại học Thăng Long	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
24	LQ020	Nông Thị Bình	04/08/1981	Nữ	Đại học	Viện Đại học Mở Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
25	LQ019	La Thị Định	20/01/2001	Nữ	Đại học	Trường Đại học Đại Nam	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
26	LQ083	Dương Minh Đức	27/05/2003	Nam	Đại học	Học Viện Ngân hàng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
27	LQ082	Đường Hoa Dung	17/05/1986	Nữ	Đại học	Trường Đại học Thương mại	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
28	LQ080	Nguyễn Thị Thu Hà	23/09/1998	Nữ	Đại học	Trường Đại học Điện lực	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
29	LQ109	Nguyễn Quỳnh Hoa	07/02/1988	Nữ	Đại học	Trường Đại học Luật Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
30	LQ125	Trần Lê Quang Huy	07/02/2000	Nam	Đại học	Trường Đại học Thăng Long	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
31	LQ124	Hoàng Trần Khánh Huyền	12/02/2003	Nữ	Đại học	Trường Đại học Công đoàn	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
32	LQ081	Nguyễn Đình Nam	07/06/1993	Nam	Đại học	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
33	LQ122	Đặng Thị Ngọc	03/09/2001	Nữ	Đại học	Trường Đại học Thăng Long	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
34	LQ018	Vũ Thị Phương	09/12/1992	Nữ	Đại học	Trường Đại học Khoa học	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
35	LQ058	Nguyễn Ngọc Quân	18/04/1992	Nam	Đại học	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
36	LQ039	Nguyễn Văn Thành	24/01/1987	Nam	Đại học	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
37	LQ123	Lê Phương Thảo	09/09/2001	Nữ	Đại học	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
38	LQ101	Mai Quốc Thịnh	12/02/1997	Nam	Đại học	Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
39	LQ099	Nguyễn Thị Thương	28/06/2003	Nữ	Đại học	Trường Đại học Mở Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
40	LQ084	Nguyễn Minh Tiến	02/02/1992	Nam	Đại học	Trường Đại học Xây dựng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Ghi chú
41	LQ021	Cao Huyền Trang	26/08/2002	Nữ	Đại học	Trường Đại học Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
42	LQ040	Bùi Đức Vĩnh	25/08/2001	Nam	Đại học	Trường Đại học Thương mại	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
43	P055	Nguyễn Văn An	06/09/2002	Nam	Đại học	Trường Đại học Điện lực	Luật kinh tế	
44	P027	Thái Quỳnh Chi	10/02/2002	Nữ	Đại học	Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội	Luật kinh tế	
45	P006	Lưu Hoàng Dũng	21/02/2003	Nam	Đại học	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Luật kinh tế	
46	P015	Nguyễn Thị Hương Giang	16/08/1992	Nữ	Đại học	Học Viện Thanh thiếu niên Việt Nam	Luật kinh tế	
47	P017	Lê Thị Thu Hằng	20/08/1995	Nữ	Đại học	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp	Luật kinh tế	
48	P038	Đậu Đức Hạnh	26/09/1990	Nam	Đại học	Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì	Luật kinh tế	
49	P047	Bùi Đức Phan Hoàng	28/11/2000	Nam	Đại học	Trường Đại học Công nghệ Sydney	Luật kinh tế	
50	P023	Nguyễn Văn Hợp	10/09/1990	Nam	Đại học	Trường Đại học Hải Phòng	Luật kinh tế	
51	P012	Bùi Thị Lan Hương	03/09/2002	Nữ	Đại học	Trường Đại học Công đoàn	Luật kinh tế	
52	P044	Cao Thị Hương	20/04/1990	Nữ	Đại học	Trường Đại học Đại Nam	Luật kinh tế	
53	P025	Phạm Văn Kỳ	23/10/1980	Nam	Đại học	Trường Đại học Xây dựng	Luật kinh tế	
54	P016	Nguyễn Đức Quang Linh	27/10/2002	Nam	Đại học	Trường Đại học Mô-Địa chất	Luật kinh tế	
55	P054	Nguyễn Thị Thùy Linh	20/02/1994	Nữ	Đại học	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Luật kinh tế	
56	P058	Nguyễn Thành Long	18/02/1988	Nam	Đại học	Trường Đại học Nông Lâm	Luật kinh tế	
57	P026	Nguyễn Thị Tuyết Mai	17/11/1986	Nữ	Đại học	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	Luật kinh tế	
58	P014	Lê Trần Phương Ngân	04/08/2003	Nữ	Đại học	Trường Đại học Thương mại	Luật kinh tế	
59	P018	Nguyễn Thị Kim Ngân	20/07/2003	Nữ	Đại học	Học Viện Tài chính	Luật kinh tế	
60	P059	Nguyễn Thành Nhơn	20/11/1980	Nam	Đại học	Học Viện kỹ thuật Quân sự	Luật kinh tế	
61	P013	Trương Quang Phúc	08/03/1997	Nam	Đại học	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp	Luật kinh tế	
62	P034	Nguyễn Thị Mai Phương	26/01/1999	Nữ	Đại học	Trường Đại học Hà Nội	Luật kinh tế	
63	P036	Phạm Thu Phương	13/11/2002	Nữ	Đại học	Trường Đại học Lao động - Xã hội	Luật kinh tế	
64	P056	Phạm Thị Như Quỳnh	25/01/1994	Nữ	Đại học	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng	Luật kinh tế	
65	P033	Vũ Phương Thảo	05/01/2000	Nữ	Đại học	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Luật kinh tế	
66	P004	Đoàn Thị Thêm	09/05/1987	Nữ	Đại học	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	Luật kinh tế	
67	P045	Phí Đình Thuận	13/05/2003	Nam	Đại học	Trường Đại học Nguyễn Trãi	Luật kinh tế	
68	P005	Nguyễn Thị Huyền Trang	15/09/1987	Nữ	Đại học	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội	Luật kinh tế	
69	P010	Nguyễn Thị Thu Trang	22/01/2001	Nữ	Đại học	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp	Luật kinh tế	
70	P024	Trần Quỳnh Trang	25/05/2003	Nữ	Đại học	Trường Đại học Điện lực	Luật kinh tế	
71	P057	Nguyễn Trọng Trung	29/09/1996	Nam	Đại học	Trường Đại học FPT	Luật kinh tế	
72	P007	Hà Sơn Tùng	18/11/1988	Nam	Đại học	Trường Đại học Đà Lạt	Luật kinh tế	
73	P003	Vũ Thị Hải Vân	08/07/1982	Nữ	Đại học	Học Viện Báo chí và Tuyên truyền	Luật kinh tế	

(Danh sách gồm 73 thí sinh)

KT. HIỆU TRƯỞNG - CHỦ TỊCH HĐTS
PHÓ HIỆU TRƯỞNG - PHÓ CHỦ TỊCH HĐTS



GS, TS Nguyễn Hoàng Việt

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN THEO PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN
SỬ DỤNG KẾT QUẢ HỌC TẬP Ở CÁC BẠC HỌC TRƯỚC**

Đối với thí sinh thuộc đối tượng xét tuyển có bằng tốt nghiệp Cao đẳng

(Kèm theo Quyết định số 1691/QĐ-ĐHTM-HĐTS ngày 04/9/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Điểm TBC toàn khoá học	Ghi chú
1	A079	Ngô Ngọc	Linh	15/10/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Việt Mỹ Hà Nội	Quản trị kinh doanh	8,64	
2	A050	Mai Thị	Huệ	05/02/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội	Quản trị kinh doanh	8,52	
3	A108	Lê Chí	Đức	25/12/1999	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Nghề Bách Khoa Hà Nội	Quản trị kinh doanh	8,40	
4	A135	Nguyễn Thị Ngọc	Quỳnh	12/06/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội	Quản trị kinh doanh	8,31	
5	A106	Tạ Thị Kiều	Trang	05/06/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội	Quản trị kinh doanh	8,25	
6	A063	Trần Thanh	Bình	10/11/2003	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Quản trị kinh doanh	8,20	
7	A062	Bùi Quang	Duy	21/08/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Quản trị kinh doanh	8,20	
8	A049	Ninh Tuấn	Phương	12/10/2002	Nam	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Quản trị kinh doanh	8,20	
9	A093	Phạm Kiều	Trang	20/07/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội	Quản trị kinh doanh	8,10	
10	A076	Nguyễn Tùng	Dương	22/09/2002	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Quản trị kinh doanh	8,00	
11	A107	Thạch Văn	Trung	30/12/1999	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Nghề Bách Khoa Hà Nội	Quản trị kinh doanh	8,00	
12	A077	Trần Thế	Phú	27/09/2003	Nam	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Quản trị kinh doanh	7,90	
13	A064	Đặng Văn	Thịnh	16/10/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Quản trị kinh doanh	7,90	
14	A092	Nguyễn Thế	Quốc	15/09/2003	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội	Quản trị kinh doanh	7,87	
15	A052	Đỗ Thị	Thúy	11/04/1992	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Nghề Công nghệ cao Hà Nội	Quản trị kinh doanh	7,80	
16	A035	Nguyễn Thị	Xoan	07/02/2001	Nữ	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Quản trị kinh doanh	7,80	
17	A129	Nguyễn Tiên	Dũng	18/01/1991	Nam	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Quản trị kinh doanh	7,70	
18	A037	Tổng Minh	Tuấn	04/11/2002	Nam	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Quản trị kinh doanh	7,70	
19	A048	Tổng Quang	Hồ	28/07/1997	Nam	Cao đẳng	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Quản trị kinh doanh	7,61	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Điểm TBC toàn khoá học	Ghi chú
20	A088	Bạch Lan	Hương	20/04/2003	Nữ	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Quản trị kinh doanh	7,60	
21	A109	Giàng A	Chứ	12/04/2000	Nam	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Quản trị kinh doanh	7,50	
22	A133	Nguyễn Thị	Nga	30/01/1993	Nữ	Cao đẳng	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp	Quản trị kinh doanh	7,49	
23	A036	Ma Huy	Dũng	20/11/2003	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghệ Hà Nội	Quản trị kinh doanh	7,44	
24	A086	Nguyễn Duy	Anh	16/02/1997	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Công nghệ Bách Khoa Hà Nội	Quản trị kinh doanh	7,40	
25	A100	Lãnh Công	Vinh	11/07/2002	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội	Quản trị kinh doanh	7,40	
26	A091	Nguyễn Duy	Anh	13/06/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội	Quản trị kinh doanh	7,36	
27	A051	Lê Bá	Nhật	13/03/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội	Quản trị kinh doanh	7,35	
28	A130	Tổng Thị	Ngân	10/11/1990	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây	Quản trị kinh doanh	7,32	
29	A117	Phạm Đức	Gia	20/02/1985	Nam	Cao đẳng	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Quản trị kinh doanh	7,28	
30	A119	Nguyễn Hữu	Đức	31/05/2003	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Quản trị kinh doanh	7,20	
31	A110	Đào Phương	Dung	29/08/1993	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội	Quản trị kinh doanh	7,17	
32	A021	Nguyễn Văn Nhất	Nam	02/12/2003	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	Quản trị kinh doanh	6,92	
33	A131	Nguyễn Việt	Cảnh	12/12/2001	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Công nghệ Việt-Hàn Bắc Giang	Quản trị kinh doanh	6,90	
34	A132	Đào Văn	Điệp	30/04/2003	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Công thương Việt Nam	Quản trị kinh doanh	6,90	
35	A134	Trịnh Thị Ngọc	Hân	27/05/1991	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Kinh tế Tài chính Thái Nguyên	Quản trị kinh doanh	6,83	
36	A019	Trịnh Văn	Sáu	27/07/1986	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Nghề Giao thông Vận tải Trung Ương II	Quản trị kinh doanh	6,80	
37	A078	Nguyễn Hồng	Sơn	11/07/1991	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Phát thanh Truyền hình I	Quản trị kinh doanh	6,58	
38	A009	Nguyễn Phương	Liên	08/03/1991	Nữ	Cao đẳng	Trường Đại học Đại Nam	Quản trị kinh doanh	6,48	
39	A020	Phạm Thị	Vân	23/02/1991	Nữ	Cao đẳng	Trường Đại học Thương mại	Quản trị kinh doanh	6,48	
40	A087	Nghiêm Xuân	Hoàn	22/04/1993	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định	Quản trị kinh doanh	5,96	
41	C054	Vũ Thị Ngọc	Trang	28/04/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Marketing	8,70	
42	C020	Bùi Thị	Nhã	27/10/2003	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Ngoại ngữ và Công nghệ Hà Nội	Marketing	8,65	
43	C058	Đỗ Thị	Nhu	13/12/2003	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Marketing	8,50	
44	C097	Nguyễn Thị	Thu	21/06/2003	Nữ	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Marketing	8,50	
45	C007	Nguyễn Thanh	Tùng	26/02/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thương mại	Marketing	8,49	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Điểm TBC toàn khoá học	Ghi chú
46	C013	Nguyễn Thị Thanh Lam	30/05/2003	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội	Marketing	8,44	
47	C122	Nguyễn Thị Ánh	20/06/2003	Nữ	Cao đẳng	Trường Đại Học FPT	Marketing	8,40	
48	C076	Nguyễn Đức Anh	02/11/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Việt Mỹ Hà Nội	Marketing	8,34	
49	C060	Nguyễn Thị Vân Anh	07/07/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Marketing	8,30	
50	C118	Phạm Văn Doanh	10/10/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Marketing	8,30	
51	C037	Trịnh Thị Quỳnh Nga	28/09/2003	Nữ	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Marketing	8,30	
52	C035	Vũ Thị Ngọc Thi	25/11/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội	Marketing	8,25	
53	C059	Bùi Lăng Quỳnh Như	25/05/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Marketing	8,20	
54	C090	Nguyễn Phương Anh	31/08/2001	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội	Marketing	8,14	
55	C106	Lê Hồng Anh	07/12/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghệ Hà Nội	Marketing	8,13	
56	C082	Nguyễn Hiền Anh	26/05/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Việt Mỹ Hà Nội	Marketing	8,12	
57	C050	Ngô Thị Khánh Ly	15/08/2003	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Marketing	8,10	
58	C074	Trần Thị Việt Nga	04/11/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Marketing	8,10	
59	C055	Nguyễn Văn Tâm	16/01/2003	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Marketing	8,10	
60	C056	Trần Thị Sương Thu	21/03/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Việt Mỹ Hà Nội	Marketing	8,08	
61	C072	Ngô Triều Cường	25/03/2003	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội	Marketing	8,05	
62	C051	Ngô Thị Hiền	10/02/2002	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Quốc tế Hà Nội	Marketing	8,00	
63	C098	Lê Thanh Thảo	13/10/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Việt Mỹ Hà Nội	Marketing	8,00	
64	C117	Vũ Minh Trang	10/07/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Marketing	8,00	
65	C111	Nguyễn Đắc Hưng	02/03/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Marketing	7,90	
66	C105	Nguyễn Mai Lan	18/06/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Marketing	7,90	
67	C034	Lê Đức Thắng	27/09/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Marketing	7,90	
68	C021	Nguyễn Thảo Hương	11/11/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Ngoại ngữ và Công nghệ Hà Nội	Marketing	7,81	
69	C104	Nguyễn Đặng Phương Anh	04/01/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Công nghệ Bách Khoa Hà Nội	Marketing	7,80	
70	C119	Phạm Phúc Đắc	30/03/2003	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Marketing	7,80	
71	C048	Kiều Thu Trang	16/02/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Marketing	7,80	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Điểm TBC toàn khoá học	Ghi chú
72	C081	Trần Hoài	Anh	27/04/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Marketing	7,70	
73	C053	Trần Việt	Hà	26/04/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Marketing	7,70	
74	C030	Đỗ Hữu	Huy	31/12/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Marketing	7,70	
75	C019	Ngô Thị Uyên	Huyền	18/01/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Marketing	7,70	
76	C075	Ninh Thị Mai	Lan	18/04/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Marketing	7,70	
77	C073	Lê Hoàng	Nam	12/02/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Marketing	7,70	
78	C049	Bùi Nhất	Triều	05/09/2001	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Marketing	7,70	
79	C052	Chu Thanh	Tùng	01/11/2003	Nam	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Marketing	7,70	
80	C057	Lê Thị Phương	Anh	26/12/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Marketing	7,60	
81	C012	Nguyễn Việt	Nam	03/09/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Marketing	7,60	
82	C091	Bùi Sinh	Cung	23/01/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Marketing	7,50	
83	C116	Nguyễn Thành	Long	17/12/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Marketing	7,50	
84	C033	Nguyễn Đức	Nam	18/04/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Marketing	7,50	
85	C103	Hồ Yên	Nhi	14/03/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Marketing	7,50	
86	C038	Nguyễn Phương	Nam	01/10/2002	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Việt Mỹ Hà Nội	Marketing	7,43	
87	C096	Nguyễn Thu	Thảo	03/11/1999	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Du lịch Hà Nội	Marketing	7,42	
88	C112	Nguyễn Minh	Đức	02/02/2002	Nam	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Marketing	7,40	
89	C108	Đinh Minh	Hiếu	19/09/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Marketing	7,30	
90	C121	Nguyễn Tá Đại	Đoàn	14/09/2003	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại Hà Nội	Marketing	7,20	
91	C120	Nguyễn Thiên	Minh	19/07/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Marketing	7,20	
92	C086	Trần Hiệp	Quốc	18/07/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội	Marketing	7,19	
93	C109	Nguyễn Văn	Tú	26/11/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Marketing	7,10	
94	C031	Hoàng Thị Phương	Hoa	08/07/2001	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Ngoại ngữ và Công nghệ Việt Nam	Marketing	7,00	
95	C036	Uông Văn	Son	05/06/2003	Nam	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Marketing	7,00	
96	C071	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	11/11/2000	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội	Marketing	6,83	
97	C032	Nguyễn Thị	Huệ	05/10/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Ngoại ngữ và Công nghệ Hà Nội	Marketing	6,73	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Điểm TBC toàn khoá học	Ghi chú
98	C087	Trần Thanh	Thảo	01/02/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Công thương Việt Nam	Marketing	6,50	
99	C110	Lương Nhật	Tân	26/12/1994	Nam	Cao đẳng	Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải	Marketing	6,17	
100	I054	Hoàng Thị	Yên	19/04/1996	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Công nghệ Bắc Hà	Thương mại điện tử	9,50	
101	I093	Nguyễn Đức	Nguyên	28/10/2002	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Thương mại điện tử	9,10	
102	I120	Phùng Thuý	Trang	13/08/2002	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội	Thương mại điện tử	9,05	
103	I020	Nguyễn Hương	Giang	08/03/2002	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Thương mại điện tử	9,00	
104	I019	Chu Thị Ngọc	Ánh	03/01/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội	Thương mại điện tử	8,97	
105	I089	Nguyễn Trần Phương	Anh	14/06/2003	Nữ	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Thương mại điện tử	8,90	
106	I109	Phạm Thị	Én	31/05/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội	Thương mại điện tử	8,86	
107	I065	Vũ Thị	Huế	13/01/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội	Thương mại điện tử	8,81	
108	I050	Trần Văn	Thành	27/06/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Thương mại điện tử	8,70	
109	I107	Nguyễn Thị Kim	Chi	22/02/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội	Thương mại điện tử	8,60	
110	I094	Nguyễn Việt	Hoà	06/09/2002	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Thương mại điện tử	8,50	
111	I071	Trần Văn	Phát	27/10/2003	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Thương mại điện tử	8,50	
112	I033	Dương Huy	Hoàng	18/11/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thương mại	Thương mại điện tử	8,48	
113	I052	Cao Hoài	Thu	28/05/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Thương mại điện tử	8,40	
114	I091	Trần Thanh	Tùng	24/06/2003	Nam	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Thương mại điện tử	8,40	
115	I062	Vũ Hải	Yến	25/09/2003	Nữ	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Thương mại điện tử	8,40	
116	I072	Nguyễn Tuấn	Dũng	23/12/1999	Nam	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Thương mại điện tử	8,30	
117	I090	Nguyễn Thị	Hiền	20/08/2003	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Thương mại điện tử	8,30	
118	I012	Đỗ Thị Thu	Thảo	27/10/2003	Nữ	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Thương mại điện tử	8,30	
119	I099	Nguyễn Thị	Trà	05/06/2003	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Thương mại điện tử	8,30	
120	I029	Lê Thị Kim	Anh	20/06/1993	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thương mại	Thương mại điện tử	8,20	
121	I031	Nguyễn Mai	Anh	09/12/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Thương mại điện tử	8,20	
122	I075	Nguyễn Tiến	Đạt	08/06/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Thương mại điện tử	8,20	
123	I078	Phạm Thế	Son	30/07/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Thương mại điện tử	8,20	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Điểm TBC toàn khoá học	Ghi chú
124	I018	Ngô Đình	Doanh	09/03/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội	Thương mại điện tử	8,16	
125	I119	Nguyễn Bạch	Dương	13/05/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội	Thương mại điện tử	8,12	
126	I104	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	25/11/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Thương mại điện tử	8,10	
127	I111	Nguyễn Thị Hải	Hậu	18/10/2000	Nữ	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Thương mại điện tử	8,10	
128	I032	Nguyễn Tuấn	Minh	20/11/2003	Nam	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Thương mại điện tử	8,10	
129	I114	Nguyễn Thị Huyền	Trang	24/08/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Thương mại điện tử	8,10	
130	I110	Nguyễn Thị Thùy	Linh	26/01/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội	Thương mại điện tử	8,09	
131	I106	Nguyễn Thị Thu	Hà	23/03/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội	Thương mại điện tử	8,04	
132	I044	Cáp Thị Thùy	Dương	04/11/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội	Thương mại điện tử	8,00	
133	I095	Nguyễn Thuý	Hằng	03/03/2003	Nữ	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Thương mại điện tử	8,00	
134	I118	Nguyễn Hồng	Hạnh	14/12/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Thương mại điện tử	8,00	
135	I077	Phan Quang	Khải	15/09/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Thương mại điện tử	8,00	
136	I086	Trần Thị Ngọc	Mai	02/11/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Thương mại điện tử	8,00	
137	I034	Đỗ Duy	Thái	01/06/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Thương mại điện tử	8,00	
138	I068	Đặng Đại	Dương	14/03/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội	Thương mại điện tử	7,99	
139	I053	Nguyễn Thị Thuý	Trinh	11/04/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội	Thương mại điện tử	7,99	
140	I035	Nguyễn Thị	Luyến	15/11/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Ngoại ngữ và Công nghệ Hà Nội	Thương mại điện tử	7,98	
141	I105	Trần Thị Thanh	Thùy	12/08/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội	Thương mại điện tử	7,91	
142	I100	Nguyễn Tuấn	Anh	01/01/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Thương mại điện tử	7,90	
143	I067	Nguyễn Ngọc Thu	Giang	09/10/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Thương mại điện tử	7,90	
144	I112	Vũ Việt	Hoàng	26/12/1999	Nam	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Thương mại điện tử	7,90	
145	I115	Nguyễn Văn	Mừng	06/12/2003	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Thương mại điện tử	7,90	
146	I066	Ngô Thanh	Thảo	17/03/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Thương mại điện tử	7,90	
147	I041	Trần Thị Việt	Trinh	05/12/2003	Nữ	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Thương mại điện tử	7,90	
148	I010	Nguyễn Thị Nguyệt	Nga	17/11/2003	Nữ	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Thương mại điện tử	7,80	
149	I017	Nguyễn Thị	Thanh	25/10/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Thương mại điện tử	7,80	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Điểm TBC toàn khoá học	Ghi chú
150	I081	Lê Thị	Dương	23/06/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghiệp Hà Nội	Thương mại điện tử	7,79	
151	I085	Nguyễn Tôn	Cường	20/01/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Thương mại điện tử	7,70	
152	I063	Đinh Văn	Duy	17/01/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Thương mại điện tử	7,70	
153	I103	Trần Vũ Hải	Đại	18/08/2003	Nam	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Thương mại điện tử	7,70	
154	I076	Nguyễn Thành	Đạt	05/10/2005	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Thương mại điện tử	7,70	
155	I006	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	16/11/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Thương mại điện tử	7,70	
156	I064	Vũ Thị	Thùy	09/10/2003	Nữ	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Thương mại điện tử	7,70	
157	I108	Phạm Thị Phương	Linh	14/03/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội	Thương mại điện tử	7,68	
158	I056	Nguyễn Bích	Ngọc	20/07/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Ngoại ngữ và Công nghệ Hà Nội	Thương mại điện tử	7,65	
159	I027	Nguyễn Thị	Hạnh	08/05/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Ngoại ngữ và Công nghệ Hà Nội	Thương mại điện tử	7,63	
160	I028	Lê Văn	Hiếu	08/04/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Thương mại điện tử	7,60	
161	I060	Nguyễn Thuỳ	Linh	15/07/2000	Nữ	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Thương mại điện tử	7,60	
162	I080	Lê Khánh	Nam	28/04/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Thương mại điện tử	7,60	
163	I043	Hoàng Thị	Uyên	01/09/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Thương mại điện tử	7,60	
164	I101	Nguyễn Thị	Hoan	06/12/2003	Nữ	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Thương mại điện tử	7,50	
165	I057	Đỗ Thuỳ	Linh	25/11/2003	Nữ	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Thương mại điện tử	7,50	
166	I088	Phan Phúc	Sơn	22/02/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Thương mại điện tử	7,50	
167	I113	Nguyễn Xuân	Thắng	09/02/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Thương mại điện tử	7,50	
168	I016	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	17/04/1991	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Kinh tế- Kỹ thuật Thương mại	Thương mại điện tử	7,49	
169	I096	Chu Đặng Thuỳ	Linh	20/10/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Thương mại điện tử	7,40	
170	I042	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	08/06/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Thương mại điện tử	7,40	
171	I040	Nguyễn Thị	Diễm	21/01/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Ngoại ngữ và Công nghệ Hà Nội	Thương mại điện tử	7,37	
172	I039	Nguyễn Viết	Hùng	06/11/2003	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Thương mại điện tử	7,30	
173	I036	Nguyễn Thu	Huyền	23/07/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Thương mại điện tử	7,30	
174	I030	Vũ Đức	Mạnh	06/03/2002	Nam	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Thương mại điện tử	7,30	
175	I061	Nguyễn Thị	Ngọc	10/12/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Thương mại điện tử	7,30	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Điểm TBC toàn khoá học	Ghi chú
176	I102	Đoàn Trọng	Tài	16/06/2003	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Sư phạm Trung Ương	Thương mại điện tử	7,30	
177	I082	Hán Ngọc	Thái	18/07/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Thương mại điện tử	7,30	
178	I051	Nguyễn Sỹ	Hải	01/01/2003	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Du lịch Hà Nội	Thương mại điện tử	7,15	
179	I011	Cao Đức	Anh	11/01/2003	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Nghề Bách Khoa Hà Nội	Thương mại điện tử	7,10	
180	I079	Lê Ngọc	Sang	16/03/2003	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Thương mại điện tử	7,10	
181	I116	Doãn Đình	Bắc	15/08/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Thương mại điện tử	6,90	
182	I092	Trần Thị Minh	Châu	22/09/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội	Thương mại điện tử	6,88	
183	I117	Nguyễn Thu	Hằng	02/09/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Ngoại ngữ và Công nghệ Hà Nội	Thương mại điện tử	6,75	
184	I055	Trịnh Trung	Đức	08/04/2005	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Thương mại điện tử	6,30	
185	LQ098	Đỗ Thu	Nguyên	16/10/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	9,00	
186	LQ097	Nguyễn Thị Thu	Huyền	31/12/2003	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	8,61	
187	LQ096	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	18/03/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	8,50	
188	LQ077	Tạ Thị Yến	Nhi	23/10/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	8,50	
189	LQ029	Phạm Thị	Hậu	17/08/2001	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	8,45	
190	LQ017	Vũ Thị Kim	Anh	08/04/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	8,30	
191	LQ118	Trịnh Thị	Hiền	08/07/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	8,20	
192	LQ088	Đoàn Tuyết	Ngân	21/09/2003	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Công nghệ Bách Khoa Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	8,10	
193	LQ037	Vũ Lệ	Thu	21/01/2003	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	8,02	
194	LQ078	Lê Thị	Thủy	24/05/1993	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Hải Dương	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7,97	
195	LQ067	Nguyễn Thị Thu	Phương	12/01/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7,96	
196	LQ038	Trần Hoàng	Bách	23/07/2002	Nam	Cao đẳng	Trường Đại học FPT	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7,80	
197	LQ065	Trần Quốc	Hưng	15/11/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7,80	
198	LQ016	Phan Thị Thuỳ	Linh	30/05/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7,80	
199	LQ121	Tạ Thị Thu	Hà	24/08/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7,70	
200	LQ057	Dương Thị	Hồng	19/06/1992	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7,46	
201	LQ120	Dương Thị Ngọc	Ánh	28/10/2001	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Ngoại ngữ và Công nghệ Việt Nam	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7,40	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Điểm TBC toàn khoá học	Ghi chú
202	LQ079	Đoàn Bích	Diệp	04/01/2001	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Y dược Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7,40	
203	LQ076	Vương Đình	Quang	24/07/1992	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Nghề Cơ điện Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7,40	
204	LQ066	Vũ Thị	Ngát	11/01/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7,30	
205	LQ119	Nguyễn Ngọc	Hiếu	05/08/2003	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Nghề Bách Khoa Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	6,70	
206	LQ117	Phạm Minh	Thư	03/10/2004	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Quốc tế Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	6,60	
207	LQ111	Phạm Hữu	Lộc	18/04/1996	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	6,45	
208	P043	Đào Quang	Vinh	20/07/2004	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Cơ điện và Thủy lợi	Luật kinh tế	7,70	
209	P046	Đỗ Thị Lan	Phương	14/06/1995	Nữ	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch	Luật kinh tế	6,95	
210	P052	Lê Thu	Thảo	23/08/1993	Nữ	Cao đẳng	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Luật kinh tế	6,80	
211	P053	Mai Văn	Quy	07/06/1991	Nam	Cao đẳng	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thương mại	Luật kinh tế	6,15	
212	P051	Lục Văn	Hải	30/03/1992	Nam	Cao đẳng	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Luật kinh tế	5,93	

(Danh sách gồm 212 thí sinh)

KT. HIỆU TRƯỞNG - CHỦ TỊCH HĐQT
PHÓ HIỆU TRƯỞNG - PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT


GS.TS Nguyễn Hoàng Việt

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN THEO PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN
SỬ DỤNG KẾT QUẢ HỌC TẬP Ở CÁC BẬC HỌC TRƯỚC**

**Đối với thí sinh thuộc đối tượng xét tuyển có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
(phương thức xét tuyển theo học bạ/Bảng điểm THPT theo tổ hợp môn xét tuyển)**

(Kèm theo Quyết định số 1691 /QĐ-ĐHTM-HĐTS ngày 04/9/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Khu vực tuyển sinh	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
1	A054	Đào Khánh Ly	01/10/2002	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Quản trị kinh doanh		9,2	8,9	9,7		27,75	
2	A084	Nguyễn Quang Anh	06/06/2000	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương	Quản trị kinh doanh		9,0	9,4	8,9		27,23	
3	A055	Đào Văn Hải	13/08/1993	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An	Quản trị kinh doanh		8,8	8,7	9,0		26,48	
4	A043	Bùi Ngọc Chiến	01/03/2007	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên	Quản trị kinh doanh	KV2NT	8,3	9,0	8,3	0,30	25,73	
5	A058	Đào Thị Hải Yến	08/06/2002	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình	Quản trị kinh doanh		8,0	9,3	8,8		25,58	
6	A118	Nguyễn Thị Thanh Chi	10/12/2000	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Quản trị kinh doanh		8,8	8,3	8,1		25,50	
7	A075	Nguyễn Hoàng Lan Anh	19/07/2004	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		8,3	8,7	8,6		25,43	
8	A023	Bùi Thị Cẩm Ly	18/10/2006	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh	KV3	7,8	9,0	9,2		25,35	
9	A122	Sư Thị Anh	12/01/1998	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An	Quản trị kinh doanh		8,6	8,2	8,3		25,28	
10	A022	Quách Hương Ly	05/02/2006	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh	KV2	7,8	8,7	9,0	0,17	25,15	
11	A127	Nguyễn Đăng Quang	30/07/1995	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		8,3	8,1	8,3		24,75	
12	A068	Phan Ngọc Trung	21/12/2000	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương	Quản trị kinh doanh		8,2	8,5	7,7		24,45	
13	A005	Trần Thị Thảo	14/06/1996	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An	Quản trị kinh doanh		7,3	8,5	9,0		24,08	
14	A026	Phạm Minh Tâm	01/06/2003	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		7,6	8,4	8,4		24,00	
15	A090	Trịnh Công Sơn	01/02/2003	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh		8,0	8,0	7,8		23,85	
16	A033	Mông Văn Mạnh	08/06/1998	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang	Quản trị kinh doanh		8,2	7,8	7,5		23,78	
17	A104	Hoàng Như Tinh	09/01/2006	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Lào Cai	Quản trị kinh doanh	KV1	7,3	7,6	8,4	0,71	23,66	
18	A001	Trần Nhật Huy	20/09/1999	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		8,2	8,1	7,0		23,63	
19	A071	Phạm Thị Phương Hoa	14/03/2001	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh		8,4	7,8	6,8		23,55	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Khu vực tuyển sinh	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
20	A070	Lê Bảo Ngọc	15/09/2003	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình	Quản trị kinh doanh		7,1	8,3	8,9		23,55	
21	A030	Trương Ngọc Ánh	06/10/2006	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh	KV1	7,2	7,8	7,9	0,74	23,32	
22	A034	Nguyễn Phương Linh	04/11/2003	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		7,9	8,1	7,1		23,25	
23	A073	Nguyễn Công Thành	14/01/2003	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Sơn La	Quản trị kinh doanh		7,6	7,6	8,1		23,18	
24	A027	Nguyễn Thị Thu Hương	24/11/2000	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		7,6	7,4	8,2		23,10	
25	A040	Bùi Thị Ninh	17/01/2004	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nam	Quản trị kinh doanh		7,6	8,4	7,1		23,03	
26	A042	Nguyễn Thị Phương Lan	12/03/2005	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình	Quản trị kinh doanh		7,4	8,1	7,7		22,95	
27	A102	Đỗ Kiều Trang	19/05/2005	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ	Quản trị kinh doanh		7,4	8,4	7,4		22,95	
28	A044	Vũ Đức Thành	10/12/1996	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Quản trị kinh doanh		8,2	7,1	7,0		22,88	
29	A056	Trần Công Thắng	02/07/2002	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình	Quản trị kinh doanh		7,8	7,0	7,8		22,80	
30	A083	Trịnh Phương Yến	03/02/2000	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Quản trị kinh doanh		7,2	7,4	8,5		22,73	
31	A099	Nguyễn Bá Minh Phong	24/07/2007	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh	Quản trị kinh doanh	KV2	7,8	6,7	7,6	0,25	22,68	
32	A067	Hà Thảo Linh	05/02/2007	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên	Quản trị kinh doanh	KV2NT	7,1	7,4	7,8	0,50	22,55	
33	A098	Đinh Thị Thanh Thảo	23/10/2004	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh	Quản trị kinh doanh		7,7	7,5	7,1		22,50	
34	A123	Trịnh Văn Tài	22/04/1997	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh		7,7	7,8	6,7		22,43	
35	A069	Ninh Thị Ngọc Ánh	16/04/2002	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang	Quản trị kinh doanh		7,5	7,3	7,5		22,35	
36	A126	Vũ Minh Đức	12/11/2007	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh	KV3	7,9	7,0	7,0		22,35	
37	A060	Đỗ Kim Chung	07/07/2007	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh	KV3	7,2	7,6	7,7		22,28	
38	A006	Vũ Ngọc Trọng	19/01/2002	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình	Quản trị kinh doanh		6,2	8,5	8,7		22,20	
39	A025	Nguyễn Thị Hồng Hoa	07/02/2003	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Phúc	Quản trị kinh doanh		6,9	7,6	8,0		22,05	
40	A116	Đỗ Kiều Trang	09/09/2005	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		7,0	8,0	7,4		22,05	
41	A024	Đoàn Thị Nguyệt	14/11/1998	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định	Quản trị kinh doanh		7,8	6,7	6,6		21,68	
42	A125	Nguyễn Thu Phương	31/08/2024	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh		7,5	6,7	7,1		21,60	
43	A017	Đỗ Hải Anh	02/01/2000	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		6,7	7,5	7,8		21,53	
44	A124	Trần Thị Nguyệt	27/11/1986	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang	Quản trị kinh doanh		7,2	6,8	7,5		21,53	
45	A012	Nguyễn Thị Kiều Trang	13/09/2002	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh	Quản trị kinh doanh		7,4	7,0	6,7		21,38	
46	A074	Đoàn Thị Hà Trang	17/10/1998	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		7,3	7,3	6,6		21,38	
47	A013	Nguyễn Thị Thương	26/07/1999	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		7,5	6,4	7,0		21,30	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Khu vực tuyển sinh	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
48	A016	Phạm Ngọc Tuấn	30/12/1999	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Yên Bái	Quản trị kinh doanh		7,4	7,2	6,4		21,30	
49	A095	Bùi Văn Hải	06/11/2002	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh	Quản trị kinh doanh		7,4	7,4	6,1		21,23	
50	A032	Nguyễn Minh Linh	26/02/1990	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Dương	Quản trị kinh doanh		7,0	8,1	6,0		21,08	
51	A061	Nguyễn Diệu Linh	18/08/2005	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		7,3	7,2	6,3		21,08	
52	A031	Nguyễn Hải Hà Trang	06/10/2005	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		6,3	7,7	7,8		21,08	
53	A072	Nguyễn Đình An Tôn	22/01/2005	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang	Quản trị kinh doanh		6,6	7,3	7,2		20,78	
54	A105	Tạ Thị Hoàn Mỹ	27/04/1995	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thừa Thiên Huế	Quản trị kinh doanh		6,9	6,7	7,1		20,70	
55	A057	Phạm Anh Duy	04/01/2001	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		6,5	6,6	7,9		20,63	
56	A046	Hoàng Nhật Linh	01/06/2004	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hòa Bình	Quản trị kinh doanh		5,8	7,8	8,1		20,63	
57	A008	Phạm Anh Sơn	22/06/1996	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình	Quản trị kinh doanh		6,7	7,9	6,2		20,63	
58	A085	Nguyễn Trần Tiến	09/10/1998	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nam	Quản trị kinh doanh		6,4	7,4	7,3		20,63	
59	A003	Thào Thị Mai	10/03/2001	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Giang	Quản trị kinh doanh		6,6	7,2	7,0		20,55	
60	A059	Phan Văn Minh	15/12/1999	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nam	Quản trị kinh doanh		6,4	7,6	7,0		20,55	
61	A002	Nguyễn Hoài Nam	06/08/2002	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ	Quản trị kinh doanh		6,6	7,3	6,7		20,40	
62	A015	Ngô Diễm Quỳnh	15/03/2004	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ	Quản trị kinh doanh		5,5	7,6	8,4		20,25	
63	A089	Lê Đức Anh	08/12/1990	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang	Quản trị kinh doanh		6,3	6,1	8,1		20,10	
64	A103	Hà Quang Tiến	27/07/1998	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		6,6	7,0	6,4		19,95	
65	A115	Lê Thị Thanh Tú	26/12/1994	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nam	Quản trị kinh doanh		7,0	5,9	6,7		19,95	
66	A128	Nguyễn Hải Nam	02/02/2007	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh	KV3	6,5	6,9	6,6		19,88	
67	A112	Nguyễn Thị Phương Nga	30/10/2001	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Bình	Quản trị kinh doanh		6,9	6,2	6,5		19,88	
68	A029	Trương Thị Tuyền	26/05/2002	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Phúc	Quản trị kinh doanh		6,7	7,3	5,7		19,80	
69	A004	Nguyễn Thị Ngọc	01/03/1983	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hòa Bình	Quản trị kinh doanh		7,0	5,8	6,2		19,50	
70	A114	Dương Văn Tình	02/09/2005	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh		6,2	6,7	6,3		19,05	
71	A081	Vũ Thị Hoàng Anh	12/10/1996	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình	Quản trị kinh doanh		6,3	6,0	6,3		18,68	
72	A028	Vũ Quốc Việt	26/10/2005	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh	Quản trị kinh doanh		5,6	7,0	6,4		18,45	
73	A082	Đinh Thị Thuý Hằng	30/10/2000	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		6,0	6,2	6,3		18,38	
74	A014	Nguyễn Hồng Lâm	08/02/2001	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Lào Cai	Quản trị kinh doanh		6,0	6,5	5,9		18,30	
75	A094	Thành Trung Nghĩa	26/12/1997	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		5,5	6,8	6,3		18,08	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Khu vực tuyển sinh	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
76	A018	Nguyễn Việt Nam	31/10/2000	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		5,5	6,6	6,4		18,00	
77	A097	Bùi Thành Nam	02/06/1993	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nam	Quản trị kinh doanh		6,4	5,0	5,9		17,78	
78	A096	Lưu Quang Nguyên	03/01/2001	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Phúc	Quản trị kinh doanh		6,0	5,3	6,4		17,78	
79	A047	Trần Trọng Nguyên	20/03/1994	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang	Quản trị kinh doanh		5,1	7,3	6,1		17,70	
80	A113	Vương Thị Ánh Nguyệt	03/03/1995	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		5,8	5,8	6,0		17,55	
81	A121	Bùi Ngọc Sơn	11/11/1998	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Yên Bái	Quản trị kinh doanh		5,4	6,0	6,1		17,18	
82	A136	Nguyễn Hồng Tân	25/12/2001	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên	Quản trị kinh doanh		6,0	5,0	5,4		16,80	
83	A007	Nguyễn Thế Dũng	25/03/1992	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nam	Quản trị kinh doanh		5,5	5,3	5,8		16,58	
84	A045	Chữ Đình Đức	22/05/1985	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Quản trị kinh doanh		5,0	5,4	5,2		15,45	
85	C069	Nguyễn Đăng Hải Dương	13/10/2007	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing	KV3	9,1	9,0	8,7		26,93	
86	C083	Nguyễn Tiến Dũng	18/08/2006	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh	Marketing	KV2	8,5	9,5	8,8	0,12	26,60	
87	C005	Phùng Thuý Linh	10/04/2005	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh	Marketing		9,1	7,6	9,3		26,33	
88	C123	Nguyễn Thị Huế	01/09/2002	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nam	Marketing		9,3	7,9	8,3		26,10	
89	C029	Nguyễn Thị Ngọc Mai	26/05/2000	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên	Marketing		8,6	8,4	9,2		26,10	
90	C080	Vũ Thị Nhung	11/07/2000	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương	Marketing		9,2	8,1	8,1		25,95	
91	C085	Lê Quang Huy	30/05/2002	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ	Marketing		8,4	8,8	8,8		25,80	
92	C024	Đặng Thị Huyền Trang	19/08/2001	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		8,4	8,5	9,0		25,73	
93	C079	Phan Hoàng Trâm Anh	21/11/2006	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng	Marketing	KV2	8,6	8,3	8,4	0,15	25,58	
94	C067	Nguyễn Phương Uyên	01/01/2005	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		8,0	8,8	9,1		25,43	
95	C004	Trần Thu Trang	20/10/2002	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		8,7	8,3	8,1		25,35	
96	C011	Nguyễn Thuý Chinh	05/02/2006	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing	KV2	7,7	9,1	9,0	0,16	25,29	
97	C062	Hồ Văn Minh	08/09/2001	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Marketing		8,7	8,2	8,1		25,28	
98	C095	Trịnh Hồng Diệp	14/01/2005	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình	Marketing		8,0	9,1	8,3		25,05	
99	C025	Hoàng Thị Minh An	08/12/2007	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình	Marketing	KV2NT	8,0	8,2	8,2	0,38	24,68	
100	C009	Nguyễn Phương Thảo	01/04/2004	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		9,0	7,6	7,1		24,53	
101	C003	Nguyễn Anh Tuấn	13/05/2000	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh	Marketing		8,0	8,8	7,8		24,45	
102	C027	Lưu Thùy Chi	14/12/2005	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh	Marketing		7,7	8,6	8,5		24,38	
103	C101	Hoàng Thị Thu Diễm	14/09/2004	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Lào Cai	Marketing		7,9	8,5	8,1		24,30	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Khu vực tuyển sinh	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
104	C113	Nguyễn Trần Gia An	19/08/2007	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing	KV2	8,2	7,3	8,3	0,20	24,20	
105	C094	Hoàng Lan Anh	16/03/2004	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên	Marketing		8,5	8,2	7,0		24,15	
106	C018	Đinh Thị Hoài Thơm	01/04/2003	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An	Marketing		7,6	7,6	9,4		24,15	
107	C100	Hoàng Thu Hiền	03/08/2007	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ	Marketing	KV2NT	8,0	7,8	7,3	0,44	23,77	
108	C042	Nguyễn Văn Thành	12/01/2006	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình	Marketing	KV2NT	7,6	8,1	7,5	0,46	23,56	
109	C089	Vũ Ngọc Ánh	29/12/2007	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình	Marketing	KV2NT	7,6	7,5	8,0	0,46	23,49	
110	C017	Hoàng Đình Thành	11/12/2000	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		8,6	7,2	6,8		23,40	
111	C043	Đinh Anh Tuấn	26/02/2005	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Marketing		7,2	8,7	8,0		23,33	
112	C064	Mai Nguyễn Diệu Huyền	17/10/2005	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định	Marketing		8,1	7,4	7,0		22,95	
113	C084	Nguyễn Thị Thanh Duyên	29/09/2005	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Phúc	Marketing		7,6	7,9	7,4		22,88	
114	C093	Đỗ Huy Hoàng	21/08/2000	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hòa Bình	Marketing		7,7	7,7	7,4		22,88	
115	C001	Nguyễn Trọng Nghĩa	07/04/1995	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh	Marketing		8,0	7,9	6,3		22,65	
116	C063	Lương Gia Linh	20/02/2003	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		7,0	8,0	8,1		22,58	
117	C015	Vũ Duy Tùng	11/09/1999	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		7,0	7,9	8,1		22,50	
118	C065	Đào Thị Minh	20/05/2007	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Marketing	KV2	7,3	8,1	6,5	0,25	22,15	
119	C010	Đỗ Khánh Huyền	15/04/2003	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		6,9	8,0	7,2		21,75	
120	C107	Nguyễn Ngọc Thành	04/11/2006	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình	Marketing	KV2NT	6,4	7,7	7,7	0,50	21,65	
121	C046	Lưu Danh Tuấn	06/10/2000	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		7,6	6,6	7,0		21,60	
122	C102	Dương Tiến Hưng	06/11/2005	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Phúc	Marketing	KV2	6,8	7,8	7,0	0,25	21,55	
123	C068	Nguyễn Thị Thuý Hiền	24/12/2004	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		6,3	8,0	8,1		21,53	
124	C066	Nguyễn Thị Hằng	21/11/2007	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên	Marketing	KV2NT	6,3	7,5	7,5	0,50	21,20	
125	C016	Trần Ngọc Bách	22/07/2002	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Marketing		7,2	7,0	6,2		20,70	
126	C028	Trần Ngọc Trang	01/12/2003	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên	Marketing		7,2	6,7	6,5		20,70	
127	C114	Nguyễn Hồng Minh	07/03/2005	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		6,6	7,6	6,8		20,70	
128	C040	Đặng Duy Hưng	19/07/2005	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		7,1	7,6	5,7		20,63	
129	C041	Trần Đình Đạt	21/02/2004	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		6,4	7,1	7,2		20,33	
130	C115	Trần Duy Hà	05/05/2003	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nam	Marketing		6,8	6,6	6,8		20,25	
131	C047	Lương Anh Phúc	28/09/2005	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Yên Bái	Marketing		6,9	7,2	6,0		20,25	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Khu vực tuyển sinh	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
132	C023	Phạm Văn Minh	08/07/1996	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Marketing		7,3	6,9	5,4		20,18	
133	C026	Triệu Diệp Linh	12/12/2003	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Phúc	Marketing		6,4	6,8	7,1		20,03	
134	C006	Nguyễn Trung Hiếu	13/08/1999	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		5,9	6,8	7,5		19,58	
135	C045	Dương Phương Hải Linh	26/10/2002	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên	Marketing		6,5	6,0	6,9		19,43	
136	C070	Đỗ Tấn Minh	15/09/2005	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		5,8	6,9	7,4		19,43	
137	C078	Phạm Văn Quang	28/08/1999	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình	Marketing		5,6	6,8	6,3		18,23	
138	C014	Vũ Thị Phương Thảo	28/12/2003	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình	Marketing		5,5	6,9	6,4		18,23	
139	C044	Nguyễn Văn Quyên	04/11/1992	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Marketing		5,4	5,4	5,4		16,20	
140	I087	Nguyễn Nam Anh	14/10/2004	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Thương mại điện tử		9,7	8,9	8,2		27,38	
141	I026	Nguyễn Ngọc Linh	18/10/2007	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên	Thương mại điện tử	KV2NT	9,2	7,9	9,0	0,23	26,71	
142	I059	Bùi Thị Mai	20/10/2004	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Thương mại điện tử		8,7	9,0	9,0		26,55	
143	I048	Lê Hải Hoà	02/11/2004	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Thương mại điện tử		8,8	8,6	8,9		26,33	
144	I083	Trần Thị Ngoan	03/01/2005	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định	Thương mại điện tử		8,2	8,7	9,4		25,88	
145	I046	Nông Khánh Ly	07/10/2006	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Thương mại điện tử	KV2	7,9	8,7	9,4	0,15	25,58	
146	I009	Đỗ Đức Duy	01/02/2006	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Thương mại điện tử	KV2	7,7	8,9	9,5	0,16	25,51	
147	I070	Nguyễn Phương Linh	12/01/2005	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Tĩnh	Thương mại điện tử		8,0	9,0	8,7		25,28	
148	I002	Nguyễn Thị Minh	10/02/2001	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên	Thương mại điện tử		8,4	8,0	8,7		25,13	
149	I004	Phạm Thị Thanh	12/02/2004	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Thương mại điện tử		8,4	8,5	8,1		25,05	
150	I023	Lê Trung Kiên	21/12/2006	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nam	Thương mại điện tử	KV2NT	8,3	7,7	8,2	0,37	24,75	
151	I069	Nguyễn Thị Hằng	03/01/1999	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Thương mại điện tử		7,6	8,2	8,8		24,15	
152	I084	Nguyễn Văn Tùng Lâm	01/05/2001	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh	Thương mại điện tử		8,6	7,9	6,7		23,85	
153	I098	Nguyễn Thị Bảo Thy	28/04/2006	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình	Thương mại điện tử	KV2NT	7,6	7,5	8,3	0,45	23,70	
154	I025	Trần Trung Hiếu	03/03/2006	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Phúc	Thương mại điện tử	KV2NT	7,0	8,0	8,1	0,49	23,07	
155	I008	Ngô Nguyên Hà	23/11/2001	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Thương mại điện tử		8,3	7,3	6,8		23,03	
156	I015	Bùi Thị Mỹ Duyên	29/01/2003	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương	Thương mại điện tử		7,1	8,2	8,2		22,95	
157	I007	Nguyễn Đình Dũng	14/10/2002	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình	Thương mại điện tử		7,4	7,9	7,8		22,88	
158	I097	Nguyễn Hoài Nam	28/03/1998	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ	Thương mại điện tử		7,2	8,2	7,6		22,65	
159	I013	Hoàng Huyền Trang	04/07/2006	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Lạng Sơn	Thương mại điện tử	KV1	7,6	6,5	7,3	0,75	22,50	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Khu vực tuyển sinh	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
160	I024	Nguyễn Văn Phi	12/02/2003	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Thương mại điện tử		7,2	7,6	7,5		22,13	
161	I001	Đỗ Thuý Dương	10/12/2002	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Thương mại điện tử		7,0	7,6	7,7		21,98	
162	I074	Lê Quang Vũ	18/10/2005	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Thương mại điện tử	KV3	6,4	8,0	8,1		21,68	
163	I014	Nguyễn Quang Huy	08/10/2002	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Thương mại điện tử		6,0	7,8	7,8		20,70	
164	I049	Nguyễn Thị Hoa Mai	05/02/2001	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hòa Bình	Thương mại điện tử		6,0	8,0	7,6		20,70	
165	I037	Đỗ Tiến Đạt	14/02/2002	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Thương mại điện tử		6,9	6,3	7,3		20,55	
166	I038	Lê Phương Thảo	04/07/2005	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ	Thương mại điện tử		7,2	6,3	6,4		20,33	
167	I003	Liêu Thiên Ân	30/03/2003	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Thương mại điện tử		6,6	6,5	6,8		19,88	
168	I047	Nguyễn Long Vũ	09/05/2002	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Thương mại điện tử		6,7	6,3	6,7		19,80	
169	I022	Vũ Thị Tú	12/08/1997	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh	Thương mại điện tử		5,0	7,7	6,2		17,93	
170	I021	Nguyễn Trung Kiên	20/06/2007	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ	Thương mại điện tử	KV2NT	5,2	6,6	6,0	0,50	17,75	
171	LQ113	Phạm Thu Trang	24/09/2005	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		9,2	9,0	9,3		27,53	
172	LQ009	Nguyễn Phương Thanh	10/11/2005	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		8,7	9,7	9,1		27,15	
173	LQ090	Hoàng Thị Thanh Tâm	15/05/1992	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		9,3	8,2	8,6		26,55	
174	LQ062	Bùi Thị Hải Yến	15/04/2007	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	KV3	8,4	9,0	8,7		25,88	
175	LQ048	Hoàng Đình Quang	18/08/2000	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		8,1	8,4	9,3		25,43	
176	LQ007	Hồ Nguyễn Thảo Linh	29/03/2005	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		8,5	8,0	8,6		25,20	
177	LQ030	Đàm Quang Quốc Anh	01/01/2005	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		8,4	8,0	8,7		25,13	
178	LQ006	Nguyễn Thị Nga	21/03/2000	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		8,5	7,7	8,7		25,05	
179	LQ052	Nguyễn Thị Thuý	28/02/2002	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Ninh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		8,0	8,7	8,6		24,98	
180	LQ035	Vũ Kim Chung	23/01/2005	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		8,3	8,2	8,3		24,83	
181	LQ060	Trương Cảnh Thiện	29/09/1997	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Sơn La	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		8,8	8,3	7,1		24,75	
182	LQ094	Trịnh Đặng Minh Đăng	05/02/2003	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		8,0	8,6	8,3		24,68	
183	LQ046	Lê Thị Thu Thủy	21/03/1999	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		8,2	8,3	8,1		24,60	
184	LQ085	Phạm Thế Mạnh	15/09/2001	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,9	8,2	8,6		24,45	
185	LQ005	Ngô Anh Long	23/08/2004	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,7	8,4	8,6		24,30	
186	LQ015	Đào Công Tấn Dũng	08/11/2005	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		8,0	7,9	8,4		24,23	
187	LQ086	Nguyễn Thị Tươi	30/04/2002	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,9	8,9	7,6		24,23	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Khu vực tuyển sinh	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
188	LQ033	Trần Thị Lương	22/04/1999	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		8,6	7,2	7,7		24,08	
189	LQ115	Vũ Hồng Sơn	16/06/2003	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,8	8,4	8,0		24,00	
190	LQ002	Lê Thị Minh Thuý	02/02/1997	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,8	7,9	8,5		24,00	
191	LQ095	Đặng Khánh Linh	18/01/2007	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Ninh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	KV2	8,1	8,0	7,4	0,21	23,91	
192	LQ010	Lê Thành An	04/10/1999	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,4	8,4	8,5		23,78	
193	LQ026	Đoàn Thị Hương Giang	02/12/2002	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		8,0	7,7	7,9		23,70	
194	LQ091	Vũ Bá Anh Văn	23/06/2006	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	KV3	7,9	7,6	8,2		23,70	
195	LQ022	Trương Thị Hoài	18/12/2000	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		8,1	6,7	8,6		23,63	
196	LQ110	Đỗ Thị Cẩm Anh	04/06/2003	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		8,0	7,5	7,9		23,55	
197	LQ001	Đào Mạnh Cường	20/02/2003	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,5	8,6	7,8		23,55	
198	LQ045	Nguyễn Phương Thảo	26/08/2002	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Ninh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,2	8,6	8,4		23,55	
199	LQ012	Lưu Đức Hiếu	05/09/2000	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,9	7,5	7,9		23,40	
200	LQ036	Đỗ Gia Phú	03/12/2003	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,0	8,4	8,3		23,03	
201	LQ107	Quách Thị Hồng Thanh	10/03/1998	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hòa Bình	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		8,4	7,1	6,7		22,95	
202	LQ056	Phạm Thị Lan Anh	05/08/2004	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,1	7,9	8,4		22,88	
203	LQ023	Vũ Văn Đạt	06/09/2004	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,8	7,1	7,8		22,88	
204	LQ089	Nguyễn Vũ Mạnh Dũng	04/06/2007	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	KV2NT	7,0	8,1	7,5	0,50	22,70	
205	LQ074	Phạm Minh Hiếu	24/11/2006	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Nai	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	KV2NT	7,1	7,4	8,0	0,50	22,70	
206	LQ106	Nguyễn Tuyết Nhung	18/09/2002	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Ninh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,4	7,4	7,7		22,43	
207	LQ027	Hà Triệu Nguyên Ngọc	24/12/2002	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Cao Bằng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,0	8,6	7,2		22,35	
208	LQ028	Vương Thị Thuyền	23/01/1998	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Lạng Sơn	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		8,0	7,1	6,7		22,35	
209	LQ063	Nguyễn Thị Diệu Kim Chi	04/01/2005	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		6,8	8,2	7,9		22,28	
210	LQ104	Lý Minh Hiếu	01/10/2007	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	KV1	7,2	7,7	6,5	0,75	22,20	
211	LQ008	Nguyễn Thị Phương Nam	27/12/2004	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		6,6	8,3	7,9		22,05	
212	LQ047	Đỗ Quốc Huy	19/09/2007	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	KV2NT	7,1	7,2	7,3	0,50	22,03	
213	LQ114	Nguyễn Xuân Bảo	16/06/2006	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	KV2	7,1	7,4	7,3	0,25	21,93	
214	LQ068	Mai Hoàng Hiệu	19/12/1999	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,3	7,5	7,1		21,90	
215	LQ093	Đoàn Quang Khánh	30/12/2003	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,6	7,6	6,2		21,75	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Khu vực tuyển sinh	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
216	LQ024	Nguyễn Việt Tiệp	24/10/1990	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,1	7,2	7,6		21,75	
217	LQ092	Phạm Thị Vân	27/07/2004	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,4	7,2	6,7		21,53	
218	LQ070	Nguyễn Anh Tài	02/02/2002	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,2	6,8	7,4		21,45	
219	LQ054	Lê Hoàng Sơn	05/09/2004	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,0	6,8	7,6		21,30	
220	LQ014	Dương Hoài Nam	03/06/2000	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,2	5,8	7,9		21,08	
221	LQ075	Võ Thị Linh	15/09/1997	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Tĩnh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		6,4	7,8	7,2		20,85	
222	LQ073	Hoàng Thị Xuân Thu	29/11/2000	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,1	6,8	6,8		20,85	
223	LQ025	Dương Gia Huy	18/08/2002	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,0	6,9	6,8		20,78	
224	LQ108	Lê Văn Dương	07/09/2003	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		6,9	7,0	6,8		20,70	
225	LQ011	Nguyễn Minh Quân	12/11/2004	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		7,6	5,9	6,5		20,70	
226	LQ055	Hoàng Thanh Mai	22/12/1997	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Lạng Sơn	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		6,7	6,9	7,1		20,55	
227	LQ041	Hoàng Tú Uyên	17/10/2001	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Tuyên Quang	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		6,9	7,1	6,4		20,48	
228	LQ049	Phạm Thục Anh	04/04/2007	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Ninh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	KV2	6,2	6,7	7,5	0,25	20,20	
229	LQ112	Trần Văn Toán	08/06/2000	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		6,5	7,0	6,9		20,18	
230	LQ051	Phạm Thị Kim Chi	04/04/2002	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Lào Cai	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		6,2	7,1	7,1		19,95	
231	LQ100	Nguyễn Thị Thảo	27/08/1996	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Lạng Sơn	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		6,2	7,2	6,9		19,88	
232	LQ105	Nông Thị Huệ	11/04/1999	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Lạng Sơn	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		6,7	6,7	5,8		19,43	
233	LQ042	Phạm Thị Phương Anh	03/11/2004	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		6,4	6,4	6,6		19,35	
234	LQ087	Vũ Đình Đức	16/05/2002	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		5,8	6,7	7,3		19,20	
235	LQ069	Lê Hữu Hon	15/06/2003	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		5,6	6,4	6,8		18,30	
236	LQ116	Nguyễn Thị Hoàn	18/06/1992	Nữ	THPT	Sở giáo dục và Đào tạo Bắc Ninh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		5,2	6,5	6,3		17,40	
237	LQ064	Nguyễn Văn Hiếu	12/10/1997	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		5,7	5,2	6,3		17,18	
238	LQ103	Trịnh Đình Von	24/08/1996	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		5,0	5,3	6,2		16,13	
239	P032	Phùng Thị Hoàng Mai	10/10/2005	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên	Luật kinh tế		9,7	9,7	9,7		29,10	
240	P048	Ngô Vũ Gia Linh	19/12/2005	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Luật kinh tế		9,2	8,2	9,5		27,08	
241	P019	Nguyễn Trung Tính	25/08/1994	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Luật kinh tế		8,7	8,9	8,7		26,25	
242	P002	Phạm Đức Anh	07/07/2000	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương	Luật kinh tế		8,5	8,2	8,6		25,35	
243	P028	Phạm Thanh Tùng	31/08/2003	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Luật kinh tế		8,7	8,0	8,3		25,28	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Bậc học đã tốt nghiệp	Nơi tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển	Khu vực tuyển sinh	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
244	P042	Vũ Thanh Ngân	21/07/2006	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh	Luật kinh tế	KV2	7,3	9,1	8,6	0,19	24,42	
245	P008	Nguyễn Trường Minh	23/04/1996	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình	Luật kinh tế		8,0	8,2	8,1		24,23	
246	P001	Nguyễn Ngọc Linh	12/07/2006	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Luật kinh tế	KV3	7,2	8,4	8,9		23,78	
247	P050	Trần Đức Anh	24/09/2004	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình	Luật kinh tế		7,5	7,9	8,3		23,40	
248	P031	Nguyễn Thị Thuý Dương	07/05/2003	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Luật kinh tế		7,3	7,7	8,7		23,25	
249	P009	Hà Thị Khánh Linh	29/06/2004	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Luật kinh tế		7,5	8,4	7,4		23,10	
250	P022	Bùi Thị Hồng	11/11/1998	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Luật kinh tế		8,0	6,6	8,1		23,03	
251	P030	Bùi Thị Yến Nhi	22/09/2006	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương	Luật kinh tế	KV2NT	6,8	7,4	7,8	0,50	22,10	
252	P061	Trần Quang Khải	23/06/2002	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình	Luật kinh tế	KV2	6,3	8,2	8,3	0,25	22,08	
253	P020	Trần Quang Vinh	02/10/2002	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Luật kinh tế		7,5	6,7	7,6		21,98	
254	P029	Tạ Đức Đạt	24/05/2007	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Lào Cai	Luật kinh tế	KV1	6,6	7,2	7,8	0,75	21,90	
255	P035	Bùi Việt Dũng	02/03/2005	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Lào Cai	Luật kinh tế		7,7	5,5	8,2		21,83	
256	P049	Vũ Thị Minh Hồng	09/05/2007	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Luật kinh tế	KV2	6,6	8,1	7,2	0,25	21,63	
257	P041	Hoàng Anh Vũ	07/08/2003	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Luật kinh tế		5,8	8,4	8,6		21,45	
258	P021	Đặng Thị Vân Anh	28/07/2002	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	Luật kinh tế		6,5	8,1	6,6		20,78	
259	P011	Nguyễn Thị Thảo	07/01/2002	Nữ	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ	Luật kinh tế		6,4	6,6	6,5		19,43	
260	P037	Nguyễn Xuân Thiết	07/11/1997	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Phúc	Luật kinh tế		6,1	6,4	7,0		19,20	
261	P039	Nguyễn Văn Thảo	05/05/1989	Nam	THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương	Luật kinh tế		6,5	7,0	5,2		18,90	

(Danh sách gồm 261 thí sinh)

KT. HIỆU TRƯỞNG - CHỦ TỊCH HĐQT
PHÓ HIỆU TRƯỞNG - PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT


GS, TS Nguyễn Hoàng Việt